

Mẫu số C03/CCTT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2021/TT-BTC
ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÚ AN

Số: 01/BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tú An, ngày 26 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Về việc cung cấp thông tin tài chính năm 2021⁽¹⁾

Phần I: Số liệu

1. Tài sản cố định hữu hình trang bị cho đơn vị

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Mã số	Nhà, vật kiến trúc ⁽²⁾	Phương tiện vận tải ⁽³⁾	Khác ⁽⁴⁾	Tổng cộng
1	Nguyên giá		3.044.419.000		810.739.000	3.855.158.000
-	Số đầu năm (tại ngày 01/01/2021)		3.044.419.000		599.328.000	3.643.747.000
-	Tăng trong năm		0		211.411.000	211.411.000
-	Giảm trong năm		0		0	0
-	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2021)		3.044.419.000		810.739.000	3.855.158.000
2	Khấu hao, hao mòn lũy kế		2.799.045.200		440.247.800	3.239.293.000
-	Số đầu năm (tại ngày 01/01/2021)		2.541.040.520		285.022.480	2.826.063.000
-	Tăng trong năm ^(*)		258.004.680		155.225.320	413.230.000
-	Giảm trong năm ^(**)					
-	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2021)		2.799.045.200		440.247.800	3.239.293.000
3	Giá trị còn lại					
-	Số đầu năm (tại ngày 01/01/2021)		503.378.480		314.305.520	817.684.000
-	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2021)		245.373.800		370.491.200	615.865.000

2. Tài sản cố định vô hình trang bị cho đơn vị

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Mã số	Quyền sử dụng đất	Bản quyền ⁽⁵⁾	Chương trình phần mềm ⁽⁶⁾	Giá trị thương hiệu	Khác ⁽⁷⁾	Tổng cộng
1	Nguyên giá							
-	Số đầu năm (tại ngày 01/01/2021)							
-	Tăng trong năm							
-	Giảm trong năm							
-	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2021)							
2	Khấu hao, hao mòn lũy kế							
-	Số đầu năm (tại ngày 01/01/2021)							
-	Tăng trong năm ^(*)							
-	Giảm trong năm ^(**)							
-	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2021)							
3	Giá trị còn lại							
-	Số đầu năm (tại ngày 01/01/2021)							
-	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2021)							

Phần II: Phân tích, đánh giá ⁽⁸⁾

Nơi nhận:

- KBNN,
- Lưu: VT,...(bản).



Trần Thanh Cảnh